

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TS. Võ Thị Thúy Anh
ĐH Kinh tế Đà Nẵng



Với hệ thống cơ sở hạ tầng khá đồng bộ, nguồn nhân lực dồi dào và vị trí đứng thứ nhất trong bảng xếp hạng PCI trong ba năm liên tục, Tp. Đà Nẵng được đánh giá là một trong những thành phố có môi trường kinh doanh (MTKD) tốt của Việt Nam. Tuy nhiên, qua đánh giá thực trạng MTKD của Tp. Đà Nẵng, bài viết đã nhận diện được những vấn đề tồn tại cần giải quyết, trong đó nổi cộm nhất là các vấn đề như chi phí không chính thức cao, tiếp cận đất đai, tiếp cận thị trường tín dụng kém và minh bạch hóa thông tin chưa tốt. Từ đó, đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao đạo đức cán bộ công chức, minh bạch hóa thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận đất đai, tiếp cận thị trường tài chính và giảm thời gian thực hiện các quy định của nhà nước.

Đặt vấn đề

Tp. Đà Nẵng liên tục đứng đầu trong bảng xếp hạng PCI trong ba năm (2008-2010) và được xem là một trong những thành phố có MTKD tốt của Việt Nam. Tuy nhiên, qua kết quả phân tích PCI Đà Nẵng giai đoạn 2005-2008, PCI năm 2009, PCI năm 2010 cho thấy một số vấn đề nổi cộm của Tp. Đà Nẵng như khả

năng tiếp cận đất đai, tiếp cận vốn tín dụng còn kém, chi phí không chính thức gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, việc nghiên cứu về MTKD của Tp. Đà Nẵng nhằm đề xuất các khuyến nghị về chính sách đối với chính quyền thành phố (CQTP) để hoàn thiện MTKD là cần thiết và đây

cũng là mục tiêu chính của bài viết.

Môi trường kinh doanh cấp tỉnh

MTKD được định nghĩa như những yếu tố bên ngoài doanh nghiệp. Đây là những yếu tố mà doanh nghiệp không thể kiểm soát, chỉ có thể phản hồi hoặc tương tác lại, có liên quan yếu tố ngành, quốc gia, khu vực,

thế giới. Các doanh nghiệp thay đổi và cải thiện những yếu tố nội tại để nắm bắt cơ hội cũng như đối mặt với những thách thức từ môi trường bên ngoài (Campbell và các đồng tác giả, 2002; Robin, W., 2000). Với cách tiếp cận tương tự, trong bài viết này, MTKD cấp tỉnh được đánh giá qua bốn tiêu chí: năng lực điều hành của chính quyền cấp tỉnh, khả năng tiếp cận các nguồn lực, môi trường kinh tế vĩ mô và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Thực trạng môi trường kinh doanh của Tp. Đà Nẵng

Năng lực điều hành của chính quyền Tp. Đà Nẵng

PCI do VCCI/VNCI công bố hàng năm được xem là một tiêu chí để đánh giá năng lực điều hành của chính quyền địa phương qua cảm nhận của khối doanh nghiệp tư nhân. PCI có chín chỉ tiêu thành phần là: chi phí gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất, tính minh bạch và trách nhiệm, chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước, chi phí không chính thức, tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, chính sách lao động, thiết chế pháp lý. Tuy nhiên, trong chín chỉ tiêu ở trên, căn cứ vào nội dung cấu thành của từng chỉ tiêu, chỉ có sáu chỉ tiêu phản ánh trực

tiếp năng lực điều hành của chính quyền địa phương như trình bày ở Bảng 1, các chỉ tiêu còn lại phản ánh khả năng tiếp cận nguồn lực.

Bảng 1: Các chỉ số thành phần của Tp. Đà Nẵng giai đoạn 2005-2010

Tên chỉ số	Tỉnh có điểm tốt nhất năm 2010	Tỉnh có điểm xấu nhất năm 2010	Điểm số và vị thứ của Đà Nẵng qua các năm					
			2010	2009	2008	2007	2006	2005*
1. Chi phí gia nhập thị trường (10%)	Quảng Trị 8,11	Đắk Nông 5,07	7,65 /5	9,52 /1	9,36 /1	9,17 /4	9,17 /1	8,77
2. Tính minh bạch và trách nhiệm (20%)	Lào Cai 7,39	Đắk Nông 2,76	6,86 /2	7,27 /4	7,92 /1	7,19 /6	7,68 /4	6,72
3. Chi phí thời gian để thực hiện các quy định nhà nước (15%)	Sóc Trăng 8,38	Gia Lai 4,47	7,43 /9	8,6 /2	5,93 /14	7,61 /6	5,83 /4	8,24
4. Chi phí không chính thức (10%)	Trà Vinh 8,53	Hòa Bình 4,57	6,00 /45	6,64 /23	6,58 /38	6,84 /20	6,18 /40	4,87
5. Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (10%)	Vĩnh Phúc 8,08	Hải Phòng 2,66	7,42 /4	7,7 /5	7,4 /6	6,26 /12	6,38 /9	7,18
6. Thiết chế pháp lý (5%)	Đông Tháp/ Bà Rịa Vũng Tàu 7,17	Lạng Sơn 2,54	6,27 /6	4,21 /36	6,55 /2	5,49 /8	6,38 /2	

Ghi chú: Năm 2005 chỉ có 45 doanh nghiệp tham gia khảo sát nên không xếp hạng. Chỉ số bôi đen là chỉ số còn thấp điểm

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo PCI Việt Nam từ năm 2005-2010

Bảng 1 cho thấy Tp. Đà Nẵng đang dẫn đầu ở phần lớn các chỉ tiêu. Kết quả khá ấn tượng này đạt được là do sự quyết liệt của chính quyền Tp. Đà Nẵng trong cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công.

Trong giai đoạn 2001-2010, Ủy ban Nhân dân Tp. Đà Nẵng đã ban hành 1.371 văn bản quy phạm pháp luật với tư tưởng xuyên suốt là căn cứ vào các văn bản pháp luật của Trung ương để cụ thể hóa thành các quy định tổ chức bộ máy và hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, toàn thành phố đã tiến hành rà soát 3.170 TTHC

và bãi bỏ và sửa đổi 1.941 TTHC, đồng thời kiến nghị Trung ương sửa đổi, bãi bỏ 538 TTHC (UBND Tp. Đà Nẵng, 2011).

Về cơ chế một cửa và một cửa liên thông, thành phố đã thực hiện đồng bộ cơ chế một cửa liên thông tại cả ba cấp: thành phố, quận, huyện và phường, xã.

Về hiện đại hóa nền hành chính nhà nước: Tp. Đà Nẵng được đánh giá cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, các công nghệ quản lý tiên tiến để hiện đại hóa hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Mạng trực thành phố được thiết lập bằng mạng truyền số liệu chuyên dùng, đã triển khai đến 72 đơn vị từ thành phố đến quận, huyện; triển khai họp trực tuyến với Chính phủ, bộ, ngành và quận, huyện.

Mặt khác, theo kết quả nghiên cứu của Võ Thị Thúy Anh và các đồng tác giả (2011), chất lượng các dịch vụ công liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và cá nhân của Tp. Đà Nẵng đều được đánh giá trên mức trung bình (Bảng 2).

tất cả những chỉ tiêu phản ánh trực tiếp năng lực điều hành của CQTP đều giảm điểm. Bên cạnh đó, chỉ số luôn là điểm yếu của Tp. Đà Nẵng trong năng lực điều hành là chi phí không chính thức. Có thể nói, đây là chỉ tiêu nhạy cảm nhất trong các chỉ tiêu của PCI và là

nghiệp cho rằng “thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh”.

Thứ hai, một số TTHC còn phiền hà. Kết quả khảo sát PCI cho thấy doanh nghiệp phản ảnh những TTHC phiền hà nhất đối với doanh nghiệp liên quan nhiều đến thủ tục kê khai và quyết toán thuế, nộp tờ khai hải quan, thủ tục bảo hiểm xã hội, mua hóa đơn thuế, xin cấp phép và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh, đăng ký mã số thuế cá nhân... Mặt khác, con số 16,04% doanh nghiệp được hỏi không biết đến chương trình cải cách TTHC nhà nước; 23,52% doanh nghiệp không biết đến Đề án 30 của Thủ tướng Chính phủ về đơn giản hóa TTHC và hơn 31% doanh nghiệp không biết đến đề án thí điểm bỏ hội đồng nhân dân cấp quận, huyện, phường (chưa kể tỷ lệ doanh nghiệp không trả lời cũng khá cao) là những con số cần phải suy nghĩ.

Thứ ba, chi phí không chính thức là một vấn đề nổi cộm trong năng lực điều hành của CQTP. Số doanh nghiệp cho rằng các doanh nghiệp cùng ngành trả chi phí không chính thức tăng từ 49,54% năm 2009 lên 54,88%, cao hơn giá trị trung vị tỉnh là 51,41%, xếp thứ 25/63. Số doanh nghiệp đồng ý rằng CQTP sử dụng các quy định riêng của địa phương để trực

Bảng 2: Kết quả đo lường chất lượng các dịch vụ công

Yếu tố	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Lựa chọn nhiều nhất (mode)	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Dịch vụ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp	2	5	4	3,770	0,808
2. Dịch vụ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cá thể	2	5	4	4,270	0,708
3. Dịch vụ kê khai tính thuế	1	5	4	3,860	0,778
4. Dịch vụ cấp phép xây dựng	2	5	4	4,140	0,736
5. Dịch vụ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	2	5	4	4,060	0,629

Ghi chú: Với thang đo: 1 - Rất không hài lòng; 2 - Không hài lòng; 3 - Trung bình; 4 - Hài lòng; 5 - Rất hài lòng

Nguồn: Võ Thị Thúy Anh và các đồng tác giả (2011)

Tuy có nhiều điểm nổi bật nhưng điểm số PCI cho thấy sự không ổn định, trong đó hai năm giảm điểm mạnh (2007, 2010). Năm 2010, Đà Nẵng đã giảm 6,19 điểm so với năm 2009, từ 75,96 điểm xuống còn 69,77. Năng lực điều hành của chính quyền Tp. Đà Nẵng vẫn còn một số bất cập đáng kể. Chất lượng dịch vụ hành chính công tuy đạt trên mức trung bình nhưng trong năm dịch vụ được khảo sát, thì chỉ có ba dịch vụ đạt mức “hài lòng” của người sử dụng còn hai dịch vụ kê khai tính thuế và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp chỉ đạt trên mức trung bình. Mặt khác, trong các chỉ tiêu thành phần của PCI so với năm 2009, ngoài chỉ tiêu “thiết chế pháp lý”,

chỉ tiêu Tp. Đà Nẵng hiện đứng thứ 45/63. Đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu thành phần của PCI, có thể nhận diện ra một số điểm còn yếu kém của năng lực điều hành của CQTP:

Thứ nhất, việc minh bạch hóa các chính sách của Đà Nẵng còn chưa tốt. Có đến 76,62% doanh nghiệp được khảo sát trong năm 2010 cho rằng mối quan hệ là quan trọng và rất quan trọng trong việc có được các tài liệu kế hoạch của tỉnh (nhỏ hơn giá trị trung vị tỉnh) và các chỉ tiêu như “tính minh bạch của các tài liệu pháp lý như quyết định, nghị định”, “tính minh bạch của các kế hoạch” đều giảm điểm so với năm 2009. Mặt khác, có đến 44,16% doanh

lợi tăng từ 41,50-52,35%, cao hơn gần 10% so với giá trị trung vị tỉnh (41,51%), xếp thứ 37/63. 43,57% doanh nghiệp được hỏi đồng ý rằng doanh nghiệp phải trả hoa hồng để có được hợp đồng từ các cơ quan nhà nước, cao hơn số trung vị là 40,00%.

Khả năng tiếp cận nguồn lực

Đà Nẵng là một trong những địa phương có khả năng tiếp cận thị trường lao động và tiếp cận cơ sở hạ tầng khá tốt. Hiện nay, trên địa bàn Tp. Đà Nẵng có 8 trường đại học, 14 trường cao đẳng, 7 trường trung cấp chuyên nghiệp và 52 cơ sở dạy nghề. Lao động qua đào tạo của Đà Nẵng đáp ứng cho nhu cầu về lao động của cả miền Trung và Tây Nguyên. Bên cạnh các chính sách đào tạo lao động cho doanh nghiệp, thành phố cũng đẩy mạnh đào tạo lực lượng cán bộ, công chức cho khu vực công với Đề án 393 (đào tạo 100 thạc sĩ, tiến sĩ từ nguồn cán bộ, công chức), Đề án 47 (đào tạo nguồn nhân lực từ các trường phổ thông trung học trên địa bàn thành phố) và Đề án 89 (đào tạo cán bộ nguồn cho các chức danh chủ chốt tại các phường, xã). Mặt khác, doanh nghiệp tại Đà Nẵng khá hài lòng đối với dịch vụ giáo dục phổ thông và dạy nghề do thành phố cung cấp, với 81,82% doanh nghiệp hài lòng với chất

lượng lao động (xếp thứ 4/63 năm 2010).

Theo kết quả Chỉ số cơ sở hạ tầng và Chỉ số công nghệ thông tin – truyền thông, Đà Nẵng là một trong những thành phố có kết cấu hạ tầng khá phát triển và đồng bộ. Chất lượng đường bộ và chất lượng viễn thông được các doanh nghiệp đánh giá cao (được trên 80% doanh nghiệp khảo sát đánh giá tốt). Tỷ lệ đường rải nhựa lên đến 91,54% trong năm 2010.

Tuy nhiên, kết quả Chỉ số cơ sở hạ tầng cho thấy cơ sở hạ tầng tại Đà Nẵng vẫn còn một số bất cập như chất lượng của khu/cụm công nghiệp chưa được doanh nghiệp (tư nhân) đánh giá cao. Chỉ có 43,28% doanh nghiệp năm 2008, 51,58% doanh nghiệp năm 2009 và 51,05% doanh nghiệp năm 2010 đánh giá chất lượng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp là tốt/rất tốt. Tình trạng ngập lụt gây thiệt hại nhiều cho các doanh nghiệp so với các địa phương khác. Số ngày trong năm mà đường đến trung tâm tỉnh không đi được do mưa lũ lên đến 7,06 ngày, khiến con số phản ánh thiệt hại của doanh nghiệp Đà Nẵng cao hơn hẳn các thành phố khác (số liệu năm 2008). Giá điện sản xuất của Đà Nẵng trong năm 2008 nằm trong nhóm ba thành phố có giá điện cao nhất cả nước, sau Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Trong năm 2010, giá điện Đà Nẵng cao thứ năm, sau Hà Nội, Hòa Bình, Bến Tre, Điện Biên. Không những giá điện cao mà thái độ phục vụ của nhà điện cũng có nhiều vấn đề phải bàn khi mà chỉ 53,34% thời gian bị cắt điện là doanh nghiệp được thông báo trước (năm 2009) và 80% vào năm 2010 (Tổng hợp từ Báo cáo PCI Việt Nam từ năm 2005-2010).

Tiếp cận thị trường tài chính của các doanh nghiệp Đà Nẵng vẫn chưa tốt, tính đến quý III/2010 toàn thành phố hiện có 55 chi nhánh ngân hàng cấp 1 và hơn 200 phòng, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm. Ngoài ra còn có trên 10 đại lý, chi nhánh công ty chứng khoán, các tổ chức cho thuê tài chính, công ty mua bán nợ... Theo Báo cáo tổng kết của Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh Đà Nẵng các năm 2005-2010, chỉ trong vòng bốn năm có trên 30 ngân hàng trong và ngoài nước đến mở chi nhánh tại Đà Nẵng, trong đó có nhiều ngân hàng liên doanh với nước ngoài. Gần 35% doanh nghiệp được hỏi cho biết gặp nhiều khó khăn để được vay vốn, nguồn vốn huy động từ thị trường chứng khoán rất thấp. Tính đến nay, Đà Nẵng mới có 13 doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch HNX và HOSE.

Theo kết quả PCI được công bố trong những năm vừa qua, tiếp cận đất đai liên

tục là một chỉ số có điểm số và vị trí thấp nhất của Đà Nẵng. Cụ thể, năm 2006, Đà Nẵng xếp hạng 59/64; năm 2007, xếp hạng 50/64; năm 2008, xếp hạng 58/64. Mặc dù năm 2009 có sự cải thiện đáng kể khi thành phố đứng ở vị trí 26/63, những năm 2010 lại rơi trở lại nhóm 12 địa phương yếu nhất - xét ở phương diện khả năng tiếp cận đất đai với xếp hạng 51/63. Theo số liệu của Bộ Tài nguyên Môi trường, chỉ tiêu doanh nghiệp sở hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giảm từ 67,69% năm 2009 xuống còn 48,54% năm 2010 (trong khi giá trị trung vị tính là 72,89%). Tỷ lệ diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức là đặc biệt thấp, chỉ đạt 27,27%, thấp nhất trong cả nước. Ngoài ra, các doanh nghiệp trên địa bàn cũng lo ngại về khả năng bị thu hồi đất. Bằng chứng là chỉ tiêu đánh giá rủi ro thu hồi đất ở Đà Nẵng cao hơn mức bình quân cả nước, với mức 2,4 trong khi giá trị trung vị tính là 2,56. Tính toán dựa theo số liệu của VCCI/VNCCI, có 35,83% doanh nghiệp dân doanh gặp khó khăn trong tiếp cận đất và mở rộng mặt bằng sản xuất. Trong đó, có 31,34% cho rằng giải phóng mặt bằng chậm là nguyên nhân chủ yếu. Ngoài ra, 12% doanh nghiệp dân doanh cảm nhận điều này là do quy hoạch đất đai của thành phố chưa hợp lý. Với

một tỷ lệ tương tự, 11,94% doanh nghiệp cho rằng giá đất theo quy định của nhà nước quá cao. Một số các lý do khác được các doanh nghiệp đề cập, chẳng hạn như giá thuê mặt bằng kinh doanh cao (7,4%), thủ tục về đất đai phức tạp (7,4%), thiếu quỹ đất sạch (4,47%).

Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Cùng với việc hỗ trợ thông tin và pháp lý cho doanh nghiệp, Đà Nẵng là một trong những địa phương làm tốt trong công tác hỗ trợ dịch vụ công cho doanh nghiệp, gồm: hỗ trợ thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến xuất khẩu và hội chợ thương mại, công nghệ và các dịch vụ liên quan. Trong nhiều năm liền, Đà Nẵng luôn nằm trong nhóm các tỉnh thành dẫn đầu về chỉ tiêu “dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”. Tuy nhiên, hai năm liên tiếp (2009 và 2010), chỉ tiêu này của Đà Nẵng bị rớt hạng, từ vị trí số hai năm 2006 xuống vị trí thứ bảy năm 2009 và vị trí thứ chín năm 2010.

Điểm nổi bật của năm 2010 là phần lớn các doanh nghiệp được hỏi đều có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ dân doanh cho các dịch vụ mà mình cần. Điều này cho thấy dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp do các doanh nghiệp dân doanh cung cấp càng ngày

càng được các doanh nghiệp đánh giá cao hơn.

Môi trường kinh tế vĩ mô

Đà Nẵng là một trong những thành phố có môi trường kinh tế vĩ mô rất tốt với tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người luôn cao hơn mức bình quân của cả nước. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1997-2010 đạt 11,25%/năm, so với bình quân cả nước là 7,27%/năm. Cùng với tăng trưởng kinh tế, GDP bình quân đầu người của Đà Nẵng có sự cải thiện đáng kể (từ 4,8 triệu đồng/năm - năm 1997 lên 31,7 triệu đồng/năm - gấp 6,6 lần so với GDP bình quân đầu người của cả nước - năm 2010). Qui mô vốn đầu tư cho phát triển trên địa bàn thành phố gia tăng với tốc độ khá cao trong các khu vực kinh tế, song cơ cấu vốn đầu tư lại tương đối ổn định từ năm 2000. Khu vực dịch vụ vẫn luôn chiếm tỷ trọng vốn đầu tư lớn nhất khoảng 60-65% và chủ yếu tập trung vào các ngành kinh doanh tài sản - bất động sản, khách sạn và vận tải - bưu chính viễn thông. Vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chiếm khoảng 30-35%.

Những nguyên nhân chính của các bất cập này xuất phát từ đạo đức công chức và điểm yếu trong năng lực điều hành của CQTP, đặc biệt là quá trình giám sát và thực hiện các chủ trương chính sách, quy hoạch sử dụng đất và một số TTHC còn rườm rà.

Các khuyến nghị đối với chính quyền Tp. Đà Nẵng nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh

Thứ nhất, cần nâng cao đạo đức công chức và thực hiện công khai, minh bạch hóa thông tin. CQTP cần cập nhật thường xuyên, công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố (5 năm, hàng năm); các chương trình, đề án, dự án phát triển thành phố thông qua nhiều kênh thông tin như trang thông tin điện tử, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp được tiếp cận thông tin pháp lý một cách thuận lợi, dễ dàng. Bên cạnh đó, cần áp dụng những chế tài nghiêm khắc đối với công chức vi phạm quy chế nhằm giảm chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Mặt khác, thành phố cần đánh giá và xếp loại chất lượng dịch vụ hành chính công hàng năm và qua đó xếp hạng công chức, để từng bước nâng cao đạo đức của công chức và thay đổi nhận thức của họ trong công việc.

Thứ hai, để tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp trên địa bàn, CQTP cần thúc đẩy sự phát triển thị trường dịch vụ tài chính qua một số biện pháp: tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính, các định chế tài chính thành lập

mới hoặc mở chi nhánh trên địa bàn qua các chính sách như đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến quá trình thành lập doanh nghiệp, mở chi nhánh; tạo điều kiện cho các định chế tài chính đặt hội sở chính tại thành phố. Ngoài ra, CQTP nên khuyến khích và hỗ trợ cho các công ty cổ phần đủ và gần đủ điều kiện, đăng ký niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán; tạo điều kiện cho sự hình thành, phát triển các quỹ đầu tư, ngân hàng đầu tư tại thành phố nhằm phát triển dịch vụ chứng khoán, tạo điều kiện sự phân bổ vốn tốt hơn. Cùng với việc xây dựng các phương án phát hành trái phiếu địa phương như trái phiếu thành phố sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư rất lớn cho các dự án phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư ở trong và ngoài nước, kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức như đầu tư trực tiếp, liên doanh, BOT, BT, BTO, PPP... cho việc phát triển kết cấu hạ tầng thương mại. Phát triển Quỹ đầu tư phát triển Tp. Đà Nẵng và tăng cường tính tự chủ của quỹ, tiến đến chuyển quỹ sang hình thức công ty đầu tư.

Thứ ba, tăng khả năng tiếp cận đất đai. Thành phố cần lập quy hoạch sử dụng đất ở ba cấp: thành phố; quận, huyện và cấp xã, phường. Công khai quy hoạch sử

dụng đất tại các địa phương làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Chuẩn hóa và công khai, minh bạch quy định trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thời gian hoàn thành các thủ tục. Rà soát, thống kê và thu hồi đất của các dự án không triển khai, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật; có biện pháp thúc đẩy các dự án chậm triển khai do lý do khách quan; có chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các khu vực có diện tích đất lớn nhưng cơ sở hạ tầng còn yếu kém (khu vực nông thôn, miền núi thuộc huyện Hòa Vang...). Dành quỹ đất và thực hiện các biện pháp khuyến khích xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc di dời ra khỏi nội thành, nội thị để bảo đảm cảnh quan môi trường. Ngoài ra hàng năm, thành phố cần thông báo công khai diện tích đất dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các khu, cụm công nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức tư vấn, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tìm kiếm mặt bằng sản xuất kinh doanh. Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất làm việc với các công ty kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp thường xuyên

cập nhật các thông tin về quỹ đất, giá cho thuê lại đất, ngành nghề thu hút đầu tư đến các nhà đầu tư.

Thứ tư, giảm chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước. Thành phố tiếp tục đẩy mạnh rà soát, đề xuất cắt giảm TTHC theo Đề án 30 của Chính phủ nhằm loại bỏ các rào cản hành chính đối với việc phát triển ngành thương mại. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung ứng dịch vụ hành chính công, từng bước xã hội hóa dịch vụ hành chính công. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa hiện đại bằng cách: (i) Tăng cường đầu tư cho cán bộ, công chức (nhất là nhân viên hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp) nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ ứng xử; (ii) Đầu tư thiết bị đồng bộ (hệ thống mạng và phần mềm); (iii) Áp dụng rộng rãi hình thức đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư trực tuyến nhằm tạo thuận lợi hơn cho các tổ chức, công dân.

Kết luận

Bài viết đã đánh giá thực trạng MTKD của Tp. Đà Nẵng và rút ra các vấn đề cần giải quyết của thành phố như vấn đề chi phí không chính thức, tiếp cận đất đai, tiếp cận thị trường tài chính. Từ đó, bài viết đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện MTKD của Tp. Đà Nẵng như nhóm các giải pháp nhằm

nâng cao đạo đức cán bộ công chức, minh bạch hóa thông tin; nâng cao khả năng tiếp cận đất đai; tiếp cận thị trường tài chính; giảm thời gian thực hiện các quy định của nhà nước

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo PCI Việt Nam từ năm 2005-2010 của VCCI
2. Báo cáo tổng kết của Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh Đà Nẵng các từ năm 2005-2010.
3. Ủy ban Nhân dân Tp. Đà Nẵng (2011), Báo cáo Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành

chính nhà nước giai đoạn 2001-2010.

4. Võ Thị Thúy Anh và các đồng tác giả (2011), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng* giai đoạn 2010-2020. Đề tài Sở Khoa học Công nghệ Đà Nẵng.
5. Campbell, D., Stonehouse, G. & Houston, B. (2002), *Business Strategy: An Introduction*, 2nd edn. NY: Butterworth-Heinemann.
6. Robin, W. (2000), *Managing Complexity: How Businesses Can Adapt and Prosper in the Connected Economy*. Economist Books.

TỶ GIÁ BÌNH QUÂN CỦA VND VÀ USD THÁNG 08 + 09/2011

NGÀY	Trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng		Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương			
	THÁNG 08	THÁNG 09	THÁNG 08		THÁNG 09	
			Giá mua	Giá bán	Giá mua	Giá bán
1	20,608	20,628	20,565	20,615	20,830	20,834
2	20,608		20,560	20,610	20,830	20,834
3	20,608		20,565	20,615	20,830	20,834
4	20,608		20,570	20,650	20,830	20,834
5	20,608	20,628	20,580	20,660	20,830	20,834
6	20,608	20,628	20,580	20,660	20,830	20,834
7		20,628	20,580	20,660	20,830	20,834
8	20,608	20,628	20,690	20,810	20,830	20,834
9	20,608	20,628	20,750	20,810	20,830	20,834
10	20,618	20,628	20,735	20,815	20,830	20,834
11	20,618		20,814	20,824	20,830	20,834
12	20,618	20,628	20,814	20,824	20,830	20,834
13	20,618	20,628	20,814	20,824	20,830	20,834
14		20,628	20,814	20,824	20,830	20,834
15	20,618	20,628	20,754	20,824	20,830	20,834
16	20,618	20,628	20,774	20,824	20,830	20,834
17	20,618	20,628	20,800	20,824	20,830	20,834
18	20,618		20,800	20,824	20,830	20,834
19	20,618	20,628	20,800	20,824	20,830	20,834
20	20,618	20,628	20,800	20,824	20,830	20,834
21		20,628	20,800	20,824	20,830	20,834
22	20,618	20,628	20,800	20,824	20,830	20,834
23	20,618	20,628	20,820	20,824	20,830	20,834
24	20,628	20,628	20,830	20,834	20,830	20,834
25	20,628		20,830	20,834	20,830	20,834
26	20,628	20,628	20,830	20,834	20,830	20,834
27	20,628	20,628	20,830	20,834	20,830	20,834
28		20,628	20,830	20,834	20,830	20,834
29	20,628	20,628	20,830	20,834	20,830	20,834
30	20,628	20,628	20,830	20,834	20,830	20,834
31	20,628		20,830	20,834	20,830	20,834
BÌNH QUÂN	20,618	20,628	20,749	20,784	20,830	20,834

Mỹ Hạnh